

# Đầu nối khí dạng L QSL-6H-4

Số bộ phận: 153061

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính  | Giá trị   |
|---|---|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn  |
| Chiều rộng định mức                             | 2.4 mm  |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ  |
| Thiết kế  | Hình chữ L  |
| Kích cỡ gói                                     | 10  |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo  |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.6 MPA<br>-0.95 bar...6 bar<br>-13.775 psi...87 psi     |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.095 MPA...1.4 MPA<br>-0.95 bar...14 bar<br>-13.775 psi...203 psi   |
| Lưu ý về áp suất vận hành                       | Nước: tối đa 0,6 MPA ở tối đa 50 °C                                   |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá) |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu   |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp  |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L   |
| Loại phòng sạch                                 | Loại 4 theo ISO 14644-1   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -10 °C...80 °C  |
| trọng lượng sản phẩm                            | 3.6 g   |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ổng bọc cắm Ø 6 mm  |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                                      |
| Màu vòng nhà                                    | màu xanh dương  |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS   |
| Vật liệu vỏ                                     | PBT   |
| Vật liệu vòng nhà                               | POM   |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR   |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao   |